

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về nội dung, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kì thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông:

- Thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
- Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.
- Thi tuyển sinh đầu cấp.
- Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh các môn văn hóa.

2. Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố Nam Định, các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo được giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý kinh phí

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

2. Việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, chế độ kế toán.

3. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất

Điều 5. Mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kì thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, thi tuyển sinh đầu cấp, thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh các môn văn hóa.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
A	Chi tiền công các chức danh		
1	Tiền công các thành viên Hội đồng/Ban/Tổ		
1.1	Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	450
b	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	400
c	Phó Chủ tịch/Phó ban	Người/ngày	350
d	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	250
e	Ủy viên, thư ký, công an vòng ngoài	Người/ngày	150
g	Bảo vệ, phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	150
1.2	Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	400
b	PCT Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	350
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	250
d	Ủy viên, thư ký, công an vòng ngoài	Người/ngày	150
e	Bảo vệ, phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	150
1.3	Thành viên Ban/Tổ vận chuyển đề thi		
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	350
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	320
c	Ủy viên	Người/ngày	250
d	Công an bảo vệ	Người/ngày	150
1.4	Thành viên Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh		

a	Trưởng ban	Người/ngày	400
b	Phó Trưởng ban Thường trực/Phó Trưởng ban	Người/ngày	350
c	Ủy viên	Người/ngày	250
d	Phục vụ	Người/ngày	150
1.5	Thành viên Hội đồng thi		
a	Chủ tịch Hội đồng thi	Người/ngày	400
b	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó chủ tịch	Người/ngày	350
c	Ủy viên	Người/ngày	250
1.6	Thành viên Ban Thư ký		
a	Trưởng ban	Người/ngày	350
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	300
c	Ủy viên	Người/ngày	250
1.7	Thành viên Hội đồng/Ban Coi thi/Điểm thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban, Điểm thi	Người/ngày	350
b	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó trưởng Ban, Điểm thi	Người/ngày	300
c	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	250
d	Công an, kiểm soát viên quân sự, bảo vệ, phục vụ, y tế	Người/ngày	150
1.8	Thành viên Ban/Tổ làm phách		
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	350
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	300
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	250
d	Công an, bảo vệ, phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	150
1.9	Thành viên Hội đồng/Ban Chấm thi; Phúc khảo; Chấm thẩm định:		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	350

b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	320
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	300
d	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	280
e	Phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	150
2	Tiền công ra đề thi		
2.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
a	Chủ trì/Trưởng ban	Người/ngày	300
b	Các Ủy viên/thành viên	Người/ngày	250
2.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận		
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp	Đề	500
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề theo phân môn	500
c	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực	Đề theo phân môn	800
2.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm		
a	Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT chuyên		
	- Trắc nghiệm	Người/ngày	350
	- Tự luận	Người/ngày	500
b	Thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia		
	- Trắc nghiệm	Người/ngày	400
	- Tự luận	Người/ngày	700
c	Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT không chuyên; Thi tuyển sinh cấp THCS; Thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh		
	- Trắc nghiệm	Người/ngày	250
	- Tự luận	Người/ngày	450

3	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
3.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
a	Chủ trì	Người/ngày	250
b	Thành viên	Người/ngày	230
3.2	Tiền công đối với câu hỏi		
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	50
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	45
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	40
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	35
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	5
3.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
a	Chủ trì/Trưởng ban	Người/ngày	400
b	Thành viên/Uỷ viên	Người/ngày	300
4	Tiền công chấm thi:		
	Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm;		
	Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm		
4.1	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp vào các trường không chuyên	Người/ngày	350
4.2	Thi tuyển sinh vào các lớp 10 THPT chuyên	Người/ngày	400
4.3	Thi tuyển sinh cấp THCS	Người/ngày	350
4.4	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	500
4.5	Thi học sinh giỏi cấp huyện	Người/ngày	400
4.6	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	400

4.7	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	500
4.8	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	Người/đợt	300
B	Các nhiệm vụ chi khác có liên quan		
1	Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi		
	Trưởng đoàn	Người/ngày	350
	Phó Trưởng đoàn	Người/ngày	320
	Thành viên đoàn	Người/ngày	280
	Thanh tra độc lập	Người/ngày	300
2	Tiền công những người tham gia chuẩn bị dữ liệu, bì đựng đề thi, phiếu trả lời trắc nghiệm phục vụ coi thi và các hội đồng cách ly; in ấn hồ sơ, kết quả thi, tổng hợp số liệu báo cáo; dữ liệu in bằng, in bằng tốt nghiệp, in kết quả thi, chứng nhận kết quả thi...		
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	240
b	Phó ban/Tổ phó	Người/ngày	200
c	Ủy viên	Người/ngày	180
3	Tiền công Hội đồng/Ban xét tốt nghiệp		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	350
b	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó trưởng ban	Người/ngày	300
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	250
4	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ		
4.1	Chi tiền ăn trong những ngày làm việc tập trung cách ly		
a	Tiền ăn bữa sáng	Người/bữa	Bảng 150% mức chi quy định tại NQ số 74/2017/N Q-HĐND
b	Tiền ăn trưa	Người/bữa	
c	Tiền ăn bữa tối	Người/bữa	
d	Tiền giải khát giữa giờ	Người/ngày	
4.2	Chi tiền ăn trong những ngày cách ly		

	trong những ngày chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi không trực tiếp làm nhiệm vụ		
a	Tiền ăn bữa sáng	Người/bữa	Thực hiện theo NQ số 74/2017/NQ-HĐND
b	Tiền ăn trưa	Người/bữa	
c	Tiền ăn bữa tối	Người/bữa	
d	Tiền giải khát giữa giờ	Người/ngày	
4.3	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi		
a	Tiền ăn cho những người tham gia bảo vệ đề thi, bài thi 24/24 giờ	Người/ngày	Thực hiện theo NQ số 74/2017/NQ-HĐND
b	Tiền giải khát giữa giờ	Người/ngày	

Điều 6. Mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của tỉnh.

- Mức chi tối đa không vượt quá 70% mức chi quy định tại Điều 5.

- Các khoản chi khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế, hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao

Điều 7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

CHỦ TỊCH

Lê Quốc Chính